BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: **1513** /QĐ-LĐTBXH	*Hà Nội, ngày 31 tháng 10 năm 2018*

VĂN PHÒNG UBND TỈNH TÂY NINH
ĐẾN Số: 43
Ngày: 4/11/18
P.CT. Ngọc, ...P.VP. Nhung
Chuyển: KGVX

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt kết quả xếp hạng các tỉnh, thành phố về thực hiện quyền trẻ em năm 2016 - 2017

BỘ TRƯỞNG BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

Căn cứ Nghị định số 14/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Quyết định số 1555/QĐ-TTg ngày 17 tháng 10 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hành động quốc gia vì trẻ em giai đoạn 2012 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 1496/QĐ-LĐTBXH ngày 16 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc tổ chức xếp hạng địa phương về thực hiện quyền trẻ em;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Trẻ em,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả xếp hạng các tỉnh, thành phố về thực hiện quyền trẻ em năm 2016 - 2017 (Phụ lục chi tiết kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Trẻ em, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Phó Thủ tướng Vũ Đức Đam (để báo cáo);
- Các thành viên Ủy ban quốc gia về trẻ em;
- Ủy ban VHGDTNTN&NĐ của Quốc hội;
- Ủy ban về CVĐXH của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Công an, Ngoại giao, Tư pháp, Tài chính, Thông tin và Truyền thông, Giáo dục và Đào tạo, Kế hoạch và Đầu tư, Nội vụ, Y tế, Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- HĐND, UBND các tỉnh, tp trực thuộc TW;
- Hội BVQTEVN;
- Bộ LĐTBXH: Bộ trưởng, các Thứ trưởng, Cổng TTĐT Bộ, Báo LĐXH; Tạp chí LĐXH, Tạp chí Gia đình và Trẻ em;
- Lưu: VT, TE.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

BỘ LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

Nguyễn Thị Hà

PHỤ LỤC

KẾT QUẢ XẾP HẠNG ĐỊA PHƯƠNG VỀ THỰC HIỆN QUYỀN TRẺ EM NĂM 2016 - 2017

(Kèm theo Quyết định số 1513/QĐ-LĐTBXH ngày 31/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội)

Tỉnh/Thành phố	Xếp hạng		Tỉnh/Thành phố	Xếp hạng	
	2016	2017		2016	2017
Hà Nội	1	1	Trà Vinh	32	33
Bắc Giang	2	2	Vĩnh Phúc	37	34
Lào Cai	5	3	Hà Nam	33	35
Đà Nẵng	3	4	Bình Phước	43	36
Nam Định	4	5	Thanh Hoá	35	37
Thái Nguyên	9	6	Tiền Giang	38	38
Cần Thơ	6	7	Hoà Bình	41	39
Bình Định	8	8	Đắk Lắk	39	40
Bà Rịa - Vũng Tàu	16	9	Quảng Bình	40	41
Vĩnh Long	11	10	Bắc Kạn	28	42
TP. Hồ Chí Minh	18	11	Kiên Giang	42	43
Thái Bình	12	12	An Giang	44	44
Phú Thọ	13	13	Quảng Nam	53	45
Long An	10	14	Bến Tre	49	46
Hà Tĩnh	17	15	Lâm Đồng	45	47
Hải Phòng	23	16	Phú Yên	46	48
Thừa Thiên Huế	19	17	Sóc Trăng	47	49
Quảng Ninh	7	18	Kon Tum	48	50
Hải Dương	21	19	Gia Lai	51	51
Hưng Yên	15	20	Tây Ninh	52	52
Bắc Ninh	14	21	Quảng Ngãi	57	53
Đồng Nai	20	22	Cao Bằng	54	54
Quảng Trị	24	23	Yên Bái	56	55
Bình Thuận	22	24	Tuyên Quang	50	56
Đồng Tháp	29	25	Điện Biên	59	57
Khánh Hoà	25	26	Ninh Thuận	55	58
Đắk Nông	27	27	Hà Giang	58	59
Bình Dương	26	28	Bạc Liêu	60	60
Nghệ An	34	29	Hậu Giang	61	61
Ninh Bình	30	30	Sơn La	62	62
Cà Mau	31	31	Lai Châu	63	63
Lạng Sơn	36	32			

Để hỗ trợ cải thiện việc theo dõi và đánh giá thực hiện quyền trẻ em tại các địa phương, ngày 16/10/2015, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Quyết định số 1496/QĐ-LĐTBXH về việc tổ chức xếp hạng các địa phương về thực hiện quyền trẻ em, với 05 chỉ số thể hiện 5 nhóm nội dung: (1) Mức đầu tư nguồn lực cho công tác thực hiện quyền trẻ em, (2) Đánh giá mức độ chăm sóc sức khỏe trẻ em, (3) Đánh giá mức độ bảo vệ trẻ em, (4) Đánh giá mức độ đảm bảo sự tham gia của trẻ em, (5) Đánh giá mức độ đảm bảo sự phát triển của trẻ em.

Các nguyên tắc chính xây dựng Chỉ số xếp hạng các địa phương về thực hiện quyền trẻ em (PCRI) bao gồm: (i) Kết quả được thể hiện dưới dạng một Báo cáo xã hội; (ii) Các chỉ số đề cập đến những lĩnh vực liên quan đến thực hiện quyền trẻ em; (iii) Kết quả xếp hạng mang tính khuyến khích, không phê bình; (iv) Chỉ số tổng hợp được hình thành từ các chỉ số trung gian, mỗi chỉ số trung gian không quá 07 chỉ số con; (v) Đi từ đơn giản đến phức tạp, các chỉ số sẽ được tiếp tục hoàn thiện trong các năm sau; (vi) Sử dụng các số liệu có sẵn và đáng tin cậy cho tất cả các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (số liệu thống kê, báo cáo chính thức, các báo cáo nghiên cứu/khảo sát xã hội...).

Cấu trúc Chỉ số xếp hạng địa phương về thực hiện quyền trẻ em

Chỉ số Xếp hạng các địa phương về thực hiện quyền trẻ em bao gồm Chỉ số tổng hợp PCRI, 05 Chỉ số trung gian (I_1-I_5) và 20 Chỉ số con.

Chỉ số tổng hợp PCRI phản ánh kết quả chung về thực hiện quyền trẻ em của mỗi tỉnh/thành phố và được tổng hợp từ 05 chỉ số trung gian đại diện cho 05 lĩnh vực quan trọng liên quan đến trẻ em:

- Chỉ số trung gian I_1 - Mức độ đầu tư nguồn lực cho công tác thực hiện quyền trẻ em, gồm 02 chỉ số con: $I_{1.1}$. Tỷ lệ ngân sách đầu tư cho lĩnh vực bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em trong tổng chi ngân sách của tỉnh/thành phố trong năm; $I_{1.2}$. Số cán bộ làm công tác BVCSTE các cấp tỉnh, huyện, xã thuộc ngành Lao động – Thương binh và Xã hội và cộng tác viên, tình nguyện viên bảo vệ, chăm sóc trẻ em ở thôn, bản, tính trên 1.000 trẻ em của tỉnh/thành phố.

- Chỉ số trung gian I_2 - Đánh giá mức độ chăm sóc sức khỏe trẻ em gồm 04 chỉ số con: $I_{2.1}$. Tỷ suất chết của trẻ em dưới 1 tuổi (IMR); $I_{2.2}$. Tỷ suất chết của trẻ em dưới 5 tuổi; $I_{2.3}$. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể nhẹ cân; $I_{2.4}$. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi.

- Chỉ số trung gian I_3 - Đánh giá mức độ bảo vệ trẻ em bao gồm 07 chỉ số con: $I_{3.1}$ - Tỷ lệ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt tính trên tổng số trẻ em; $I_{3.2}$ - Tỷ lệ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt và có nguy cơ rơi vào hoàn cảnh đặc biệt tính trên tổng số trẻ em; $I_{3.3}$ - Tỷ lệ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được trợ giúp trên tổng số trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt; $I_{3.4}$ - Tỷ lệ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt và có

nguy cơ rơi vào hoàn cảnh đặc biệt được trợ giúp trên tổng số trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt và có nguy cơ rơi vào hoàn cảnh đặc biệt; $I_{3.5}$ - Tỷ lệ trẻ em bị xâm hại (xâm hại tình dục, bạo lực, lao động trẻ em) được hỗ trợ, can thiệp tính trên tổng số trẻ em bị xâm hại; $I_{3.6}$ - Tỷ lệ trẻ em bị tai nạn thương tích (kể cả mắc và chết) tính trên 10.000 trẻ em; $I_{3.7}$ - Tỷ lệ trẻ em sống trong các hộ gia đình nghèo tính trên tổng số trẻ em.

- Chỉ số trung gian I_4 - Đánh giá mức độ bảo đảm sự tham gia của trẻ em bao gồm 04 chỉ số con: $I_{4.1}$ - Tỷ lệ trẻ em được hỏi ý kiến, được tham vấn qua các kênh khác nhau tính trên 10.000 trẻ em; $I_{4.2}$ - Tỷ lệ trẻ em tham gia hoạt động tại các câu lạc bộ hoặc các nhóm trẻ trong năm tính trên 10.000 trẻ em; $I_{4.3}$ - Tỷ lệ trẻ em được tham gia vào các sự kiện trong Tháng hành động vì trẻ em trong năm tính trên tổng số trẻ em; $I_{4.4}$ - Tỷ lệ trẻ em được tham gia vào các sự kiện hoặc được nhận quà nhân dịp Tết Trung thu tính trên tổng số trẻ em.

- Chỉ số trung gian I_5 - Đánh giá mức độ bảo đảm sự phát triển của trẻ em bao gồm 05 chỉ số con: $I_{5.1}$ - Tỷ lệ đi học mẫu giáo đúng tuổi; $I_{5.2}$ - Tỷ lệ đi học tiểu học đúng tuổi; $I_{5.3}$ - Tỷ lệ đi học trung học cơ sở đúng tuổi; $I_{5.4}$ - Tỷ lệ học sinh hoàn thành cấp trung học cơ sở; $I_{5.5}$ - Tỷ lệ các xã, phường, thị trấn có điểm vui chơi dành cho trẻ em do cấp xã quản lý.

Phương pháp tính

Phương pháp tính toán các chỉ số trung gian I_i và chỉ số tổng hợp PCRI được tham khảo phương pháp tính toán *Chỉ số Phát triển con người (HDI)* của Liên hợp quốc, *Chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI)* của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI), *Chỉ số Hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI)* của Trung tâm Nghiên cứu Phát triển - Hỗ trợ cộng đồng (CECODES) và Chương trình Phát triển Liên hợp quốc (UNDP) tại Việt Nam. Công thức tính toán từng chỉ số trung gian I_i là lấy trung bình cộng các giá trị của các chỉ số con của chỉ số trung gian đó. Chỉ số tổng hợp PCRI được tính bằng trung bình cộng của 05 chỉ số trung gian.

Thông tin cho việc tính toán các chỉ số của nghiên cứu đến từ ba nguồn chính: (i) Số liệu thống kê chính thức của Ngành thống kê (Tổng cục Thống kê, các niên giám thống kê hay số liệu chính thức của các bộ, ngành và tỉnh/thành phố); (ii) Số liệu báo cáo lưu trữ hàng năm của Cục Trẻ em; (iii) Số liệu thu thập từ 63 tỉnh, thành phố theo Quyết định số 1496/QĐ-LĐTBXH ngày 16/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc tổ chức xếp hạng địa phương về thực hiện quyền trẻ em. 02 năm/lần, bắt đầu từ năm 2015. Yêu cầu chính là mỗi chỉ số con phải có thông tin từ tất cả 63 tỉnh/thành phố trong cả nước. Trước khi tính toán, các chỉ số con được lựa chọn kỹ về nguồn, giá trị, làm sạch số liệu và đưa về một thang điểm thống nhất chung (1-10).

Phân loại các địa phương theo Chỉ số tổng hợp PCRI

Dựa vào kết quả tính toán chỉ số Tổng hợp PCRI, xếp hạng của các địa phương về thực hiện quyền trẻ em năm 2016 và 2017. Kết quả xếp hạng các địa phương qua chỉ số PCRI cho thấy không có sự khác biệt quá lớn giữa các địa phương trong cả nước về thực hiện quyền trẻ em, ít có sự đột biến về xếp hạng. Các địa phương đứng đầu do đạt kết quả khá tốt và đều hơn các địa phương khác, còn các địa phương đứng cuối do có nhiều chỉ số trung gian thấp.